

Bản án số: **04/2025/HS-ST**  
Ngày 14 tháng 01 năm 2025

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

**- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Duy Chính.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Đức Trường Kháng.  
2. Bà Nguyễn Thị Thuý Mai.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:** Ông Đinh Văn Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 365/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 377/2025/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Đức T; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 17 tháng 10 năm 2002 tại Thái Nguyên; Nơi cư trú: Tổ H, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên Chúa; Trình độ học vấn: 07/12; Nghề nghiệp: Tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông: Nguyễn Đức K (Đã chết); Con bà: Trần Thị H, sinh năm 1977; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ tư; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: 03.

+ Tại bản án 65/2020/HSST ngày 13/3/2020, Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 30 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ra trại ngày 28/01/2022. Nộp xong án phí ngày 03/6/2020.

+ Tại Quyết định số 58069/QĐ-XPHC ngày 13/7/2020, Công an thành phố T xử phạt vi phạm hành chính số tiền 100.000 đồng về hành vi “Gây mất trật tự khu dân cư”. Nộp phạt ngày 11/9/2020.

+ Tại bản án 281/2024/HSST ngày 25/9/2024, Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 30 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T (bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/7/2024 đến nay).

2. Họ và tên: Nguyễn Xuân B; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 16 tháng 11 năm 1989 tại Thái Nguyên; Nơi ĐKKHKT: xóm H, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên; Nơi ở: Tổ A, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông: Nguyễn Mạnh T1, sinh năm 1963; Con bà: Nguyễn Thị Duyên H1, sinh năm 1963; Bị cáo là con duy nhất; Vợ: La Thị H2, sinh năm 1994 (Đã ly hôn); Vợ: Nguyễn Thị Thu H3, sinh năm 1995; Có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: Không; Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T (bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/7/2024 đến nay).

3. Họ và tên: Phan Đức T2; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 22 tháng 6 năm 2001 tại Thái Nguyên; Nơi cư trú: Xóm T, xã T, huyện V, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông: Phan Văn Q, sinh năm 1978; Con bà: Nông Thị Diễm A, sinh năm 1982; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không.

- Tiền án: 01; + Tại bản án số 285/2018/HSST ngày 30/7/2018, Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 05 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ra trại ngày 15/9/2022; Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T (bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/7/2024 đến nay).

4. Họ và tên: Quách Thị Huyền T3; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 09 tháng 11 năm 1998 tại Thái Nguyên; Nơi cư trú: Tổ B, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông: Quách Văn Q1, sinh năm 1962; Con bà: Vi Thị T4, sinh năm 1969; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; Chồng, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T (bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/7/2024 đến nay).

*(Các bị cáo đều có mặt tại phiên toà)*

**\* Người làm chứng:**

+ Anh Thên Chân T6, sinh năm 1998. Địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện M, tỉnh Lào Cai.

+ Anh Trần Tiến D, sinh năm 2003. Địa chỉ: Tổ F, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

+ Chị Đào Thị N, sinh năm 2002. Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Chị La Minh N1, sinh năm 2005. Địa chỉ: Xóm D, xã D, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

+ Chị Vũ Thị Ánh T5, sinh năm 1995. Địa chỉ: Xóm L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

+ Chị Nguyễn Thị Thu H3, sinh năm 1995. Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

+ Anh Nguyễn Văn H4, sinh năm 1997. Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

**\*Người chứng kiến:**

+ Bà Bùi Thị O, sinh năm 1966

Địa chỉ: Tổ A, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

+ Ông Lê Văn B1, sinh năm 1964

Địa chỉ: Tổ A, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

*(Người làm chứng và người chứng kiến đều có đơn xin vắng mặt tại phiên toà)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 07 giờ 00 ngày 09/7/2024, tổ công tác của Công an phường Q, thành phố T nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc tại căn nhà số C thuộc tổ A, phường Q, thành phố T có nhiều đối tượng tụ tập có dấu hiệu sử dụng trái phép chất ma túy. Tổ công tác đã kiểm tra căn nhà trên, quá trình kiểm tra phát hiện tại phòng khách tầng 1 có: Nguyễn Xuân B, Nguyễn Thị Thu H3 (sinh năm 1995, HKTT: TDP A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên), Nguyễn Văn H4 (sinh năm: 1997, HKTT: TDP A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên). Qua kiểm tra 03 người trên tổ công tác không phát hiện thu giữ gì liên quan đến ma túy. Kiểm tra phòng ngủ thứ nhất trên tầng 2 có: Thên Chấn T6 (sinh năm: 1998, HKTT: Thôn C, Xã D, huyện M, tỉnh Lào Cai), La Minh N1, (sinh năm: 2005, HKTT: Thôn D, xã D, huyện H, tỉnh Cao Bằng), Đào Thị N (sinh năm: 2002, HKTT: TDP Đ, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc), Trần Tiến D (sinh năm: 2003, HKTT: Tổ F, phường T, thành phố T), Quách Thị Huyền T3 và Phan Đức T2. Qua kiểm tra, tổ công tác phát hiện thu giữ trên mặt đệm trong phòng ngủ có 01 đĩa sứ màu trắng bên trên mặt đĩa có chất tinh thể màu trắng (đưa chất tinh thể màu trắng trên đĩa sứ vào túi nilon màu trắng niêm phong ký hiệu A1) cùng 01 thẻ nhựa màu xanh và 01 ống hút được quấn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng đều bám dính chất tinh thể màu trắng (niêm phong ký hiệu A3); thu giữ trên mặt bàn gần cửa ra vào có 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa 01 viên nén màu xám (niêm phong ký hiệu A2). Ngoài ra trong phòng tổ công tác còn thu giữ 01 loa màu đen nhãn hiệu Harman Kardon, 01 (một) đèn nháy màu

trắng nhãn hiệu Nam Sang đã qua sử dụng. Kiểm tra phòng ngủ thứ hai trên tầng 2 có: Vũ Thị Ánh T5 (sinh năm: 1995, HKTT: Xóm L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) và Nguyễn Đức T. Kiểm tra các phòng ngủ và trên người của những người trên không phát hiện thu giữ gì. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản sự việc, niêm phong thu giữ vật chứng theo quy định (BL 159-164).

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T tiến hành mở niêm phong cân xác định khối lượng: Chất tinh thể màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu A1 có khối lượng 0,680 gam (niêm phong ký hiệu B1 gửi giám định); Viên nén màu xám trong bì niêm phong ký hiệu A2 có khối lượng 0,521 gam (niêm phong ký hiệu C1 gửi giám định) (BL 165-166).

Hồi 06 giờ 30 phút ngày 10/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp đối với chỗ ở, đồ vật, tài liệu, địa điểm đối với Nguyễn Đức T tại tổ H, phường T, thành phố T, kết quả: không phát hiện thu giữ gì (BL 109-110).

Tại Bản Kết luận giám định số 833/KL-KTHS ngày 19/7/2024 của Phòng K3 Công an tỉnh T, kết luận: Tìm thấy chất ma túy Methamphetamine, MDMA và Ketamine trong mẫu nước tiểu ký hiệu X2, X4, X6, X9 (Nguyễn Thị Thu H3, Quách Thị Huyền T3, Phan Đức T2, Trần Tiến D) gửi giám định. Tìm thấy chất ma túy Ketamine trong mẫu nước tiểu ký hiệu X1, X3, X5, X7, X8, X10, X11 (Nguyễn Xuân B, Nguyễn Văn H4, Thèn Chấn T, La Minh N1, Đào Thị N, Nguyễn Đức T, Vũ Thị Ánh T5) gửi giám định (BL 114).

Tại bản Kết luận giám định số 820/KL-KTHS ngày 18/7/2024 của Phòng K3 Công an tỉnh T, kết luận: Chất tinh thể màu trắng trong phong bì ký hiệu B1 gửi giám định là chất ma túy, loại Ketamine, có khối lượng thu giữ ban đầu là 0,680 gam. Viên nén màu xám trong phong bì ký hiệu C1 gửi giám định là chất ma túy, loại MDMA, có khối lượng thu giữ ban đầu là 0,521 gam (BL 115-116).

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Đức T, Nguyễn Xuân B, Phan Đức T2, Quách Thị Huyền T3 khai nhận: Nguyễn Xuân B và vợ là Nguyễn Thị Thu H3 thuê căn nhà số C thuộc tổ A, phường Q, thành phố T của chị Dương Thị Vân A1 (sinh năm 1990, HKTT: tổ A, phường Q, thành phố T) từ đầu năm 2024. Khoảng 19 giờ ngày 08/7/2024, B, H3 cùng với Nguyễn Văn H4 (là em trai ruột của H3), Nguyễn Đức T, Phan Đức T2, Quách Thị Huyền T3, Đào Thị N, Vũ Thị Ánh T5, Thèn Chấn T, La Minh N1, Trần Tiến D cùng nhau tổ chức sinh nhật cho H3 tại quán T10 thuộc phường P, thành phố T. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì T2, T và D đi về nhà của B trước. Khi về đến nhà, T2 và D ngồi chơi tại phòng khách tầng 1, còn T liên hệ qua ứng dụng T7, mua 01 túi ma túy Ke và 03 viên ma túy Kẹo của một nam thanh niên tên T8 (không rõ lai lịch, địa chỉ) với giá 4.500.000 đồng, T nhận ma túy tại gần nhà của B và thanh toán tiền mặt cho một người không quen biết. Khi mua được ma túy, T cất vào túi quần trước bên phải đang

mặc, đi vào trong bếp tại tầng 1 và lấy 01 đĩa sứ màu trắng rồi đốt nóng đĩa bằng bếp ga, sau đó lấy một tờ tiền 10.000 đồng cuộn thành ống hút để hít ma túy K1, rồi mang lên phòng ngủ thứ 2 đối diện phòng thờ trên tầng 2. Tại đó, T đổ một phần ma túy Ke trong túi nilon ra đĩa sứ, lấy thẻ nhựa màu xanh có sẵn trong túi đeo chéo của T để xào ma túy K1, sau đó T kẻ ma túy Ke thành nhiều đường và tự sử dụng hết 01 đường K. Sử dụng xong, T để đĩa ma túy lên trên mặt đệm để dưới sàn nhà. Lúc này, D và T2 đi lên thấy có đĩa ma túy Ke trên đệm nên mỗi người tự cầm đĩa lên và sử dụng mỗi người 2 đường ma túy Ke. Đến khoảng 22 giờ 30 phút, lần lượt H3, B, T6, T5 về nhà, H3 và T5 ngồi dưới phòng khách tầng 1 còn B đi lên phòng ngủ thứ 2 trên tầng 2 thì T đi xuống tầng 1. B đi vào phòng, tự cầm ống hút sử dụng hết 01 đường ma túy Ke trên đĩa rồi B gọi T6 lên phòng mục đích để T6 sử dụng ma túy. T6 đi lên phòng thì B bê đĩa ma túy K1 cho T6 sử dụng hết 01 đường ma túy Ke rồi nằm nghỉ. Sau đó, B và T2 cùng đi xuống tầng 1. Khoảng 23 giờ ngày 08/7/2024, T3, N1, N đi đến nhà của B, còn H4 về nhà tại tổ dân phố A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Tại phòng khách tầng 1, T3 hỏi nhỏ T ma túy K2 để sử dụng thì T đưa cho T3 01 túi nilon màu trắng bên trong có 03 viên ma túy K2 màu xám để T3 cùng mọi người sử dụng. Một lúc sau, B, T2, T3, N1 và N đi lên phòng ngủ thứ nhất cạnh cầu thang trên tầng 2 còn T đi sang phòng ngủ thứ 2 bên cạnh bê đĩa sứ còn có ma túy K1 đã xào, thẻ nhựa và ống hút rồi cùng D và T6 sang phòng ngủ thứ nhất để mọi người sử dụng. Lúc này, T5 đi vào phòng ngủ thứ 2 để nghỉ còn H3 không lên cùng mọi người, ngủ tại phòng ngủ tầng 1 trông con. Tại phòng ngủ thứ nhất trên tầng 2, T3 lấy 01 viên ma túy Kẹo, bẻ thành 02 mảnh, T3 sử dụng hết 01 mảnh, sau đó lấy tiếp 01 viên ma túy Kẹo nữa bẻ làm 02 mảnh và chia lần lượt cho T, D và T2 mỗi người 01 mảnh để sử dụng, còn 01 viên ma túy Kẹo trong túi nilon, T3 để lên trên mặt bàn trong phòng gần cửa ra vào. T2 và D sử dụng hết rồi nằm nghỉ, còn T không sử dụng mà để lại mảnh viên ma túy Kẹo lên trên mặt đệm. Lúc này, T đưa cho T3 túi ma túy K1 còn lại để T3 cầm để xào cho mọi người sử dụng nhưng T3 đặt lại túi ma túy Ke lên trên mặt bàn trong phòng. T tiếp tục sử dụng thêm 02 đường ma túy Ke trên đĩa nữa rồi nằm nghỉ nghe nhạc. Sau đó, T2 dậy và kẻ 02 đường ma túy K1 rồi tự sử dụng hết số ma túy vừa kẻ. D tỉnh dậy, thấy đĩa ma túy K1 bẩn nên đã dùng giấy vệ sinh lau đĩa, rồi kẻ thành 02 đường ma túy K1 và sử dụng hết rồi nằm nghỉ. T5 từ phòng ngủ thứ 2 đi sang phòng ngủ thứ nhất, thấy có đĩa ma túy Ke trên mặt đệm nên cũng tự kẻ 02 đường ma túy K1 và sử dụng hết. Sau đó, T2 tiếp tục kẻ ma túy K1 thành các đường nhỏ và tự sử dụng hết 02 đường ma túy Ke, khi sử dụng xong, T2 đưa đĩa ma túy Ke cho N1, N1 sử dụng 02 đường ma túy Ke xong thì cầm đĩa đưa cho T3 nhưng T3 không sử dụng nên N1 để đĩa ma túy K1 xuống đệm. Khoảng 02 giờ ngày 09/7/2024, H3 đi lên phòng ngủ thứ nhất cùng mọi người thổi nến và cắt bánh sinh nhật, H3 không sử

dụng ma túy, sau đó ngồi nói chuyện với T5 rồi đi xuống tầng 1 để ngủ trông con, một lúc sau B cũng đi xuống tầng 1 còn T5 và T đi sang phòng ngủ số 2 để ngủ. Sau đó, T3 dùng thẻ nhựa kẻ thành các đường ma túy Ke trên đĩa rồi nằm nghỉ, N tự cầm ống hút sử dụng 01 đường ma túy Ke mà T3 vừa kẻ rồi lại đặt đĩa ma túy K1 xuống đệm và đi ngủ. Đến khoảng 06 giờ ngày 09/7/2024, T3 dậy và tự sử dụng hết số ma túy Ke còn lại ở trên đĩa. Khi T3 sử dụng xong thì T2 cầm đĩa sứ xuống tầng 1 bật bếp ga để đốt nóng và cầm lên phòng ngủ thứ nhất đưa cho T3 để T3 xào ma túy K1. T3 đổ hết số ma túy K1 còn lại ở trong túi ra đĩa rồi cầm thẻ nhựa trực tiếp xào rồi kẻ thành nhiều đường ma túy K1 và để lên trên mặt đệm, lúc này N1 tự cầm ống hút và hít 02 đường ma túy Ketamine trên đĩa rồi gọi D dậy, sau đó D thấy còn ma túy K1 nên cũng tự cầm đĩa và hít hết 02 đường ma túy Ke trên đĩa rồi nằm nghe nhạc. Đến khoảng 06 giờ 45 phút ngày 09/7/2024, H4 đến nhà của B để lấy quần áo đi làm. Khi H3 mở cửa cho H4 vào được một lúc thì tổ công tác của Công an phường Q, thành phố T kiểm tra, phát hiện, lập biên bản sự việc và thu giữ vật chứng.

Tiến hành ghi lời khai của Nguyễn Thị Thu H3, Nguyễn Văn H4, Thên Chấn T, Vũ Thị Ánh T5, Đào Thị N, La Minh N1, Trần Tiến D phù hợp với lời khai của các bị can như nêu trên. T6, T5, N, N1 và D đều xác định không phải góp tiền mua ma túy cùng T, không chuẩn bị dụng cụ, phương tiện, địa điểm để cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy (BL 279-353).

Lời khai nhận của Nguyễn Đức T, Nguyễn Xuân B, Phan Đức T2, Quách Thị Huyền T3 phù hợp với nhau và phù hợp với biên bản sự việc, lời khai của người chứng kiến, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ, các bản kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

***Vật chứng của vụ án:***

- 04 bì niêm phong ký hiệu B1, B2, C1, C2 ;
- 01 (một) bì niêm phong ký hiệu T1 bên trong có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu tím đã qua sử dụng, thu giữ của Nguyễn Xuân B;
- 01 (một) bì niêm phong ký hiệu T2 bên trong có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu tím đã qua sử dụng, thu giữ của Quách Thị Huyền T3;
- 01 (một) bì niêm phong ký hiệu T3 bên trong có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng đã qua sử dụng, thu giữ của Phan Đức T2;
- 01 (một) bì niêm phong ký hiệu T4 bên trong có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đen đã qua sử dụng, thu giữ của Nguyễn Đức T;
- 01 (một) bì niêm phong ký hiệu A3 bên trong có 01 đĩa sứ màu trắng, 01 thẻ nhựa màu xanh, 01 ống hút cuốn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng;
- 01 (một) loa màu đen nhãn hiệu Harman Kardon, 01 (một) đèn nháy màu trắng nhãn hiệu Nam Sang đã qua sử dụng.

Hiện đang được lưu giữ, bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Tại bản cáo trạng số 366/CT-VKSTPTN ngày 28/11/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố các bị cáo Nguyễn Đức T, về tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự và tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm i, khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Xuân B và Quách Thị Huyền T3 về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; Phan Đức T2 về tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, h khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố như sau:

\* Đối với bị cáo Nguyễn Đức T: + Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 255, điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt: từ 08 năm 6 tháng đến 09 năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và 24 đến 30 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Áp dụng Điều 55 BLHS: Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là từ 10 năm 6 tháng đến 11 năm 06 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 56 BLHS, đề nghị Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt với bản án số 281/2024/HSST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

\* Đối với bị cáo Phan Đức T2:

Áp dụng: điểm b, h khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt: từ 08 năm tù đến 08 năm 6 tháng tù.

\* Đối với bị cáo Nguyễn Xuân B, Quách Thị Huyền T3:

+ Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo B từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù; bị cáo T3 từ 7 năm đến 7 năm 3 tháng tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

b, Xử lý vật chứng: Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy: 04 bì niêm phong ký hiệu B1, B2, C1, C2; 01 (một) đĩa sứ màu trắng, 01 (một) thẻ nhựa màu xanh; 01 (một) loa màu đen nhãn hiệu Harman Kardon, 01 (một) đèn nháy màu trắng nhãn hiệu Nam Sang.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đen đã qua sử dụng, thu giữ của Nguyễn Đức T trong bì niêm phong ký hiệu T4 và 01 (một) tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng trong bì niêm phong ký hiệu A3.

- Trả lại cho các bị cáo Nguyễn Xuân B 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu tím đã qua sử dụng; Trả lại cho bị cáo Quách Thị Huyền T3 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu tím đã qua sử dụng; Trả lại cho bị cáo Phan Đức T2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng đã qua sử dụng tuy nhiên tạm giữ 03 chiếc điện thoại để đảm bảo thi hành án. Các bị cáo phải chịu án phí và được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Trong phần tranh luận: Các bị cáo đều không có ý kiến tranh luận gì.

Trong phần lời nói sau cùng các bị cáo đều nhận thức rõ hành vi sai trái của mình và xin được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của quyết định, hành vi tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố. Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay những người làm chứng vắng mặt (đều có đơn xin xét xử vắng mặt). Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc vắng mặt tại phiên tòa hôm nay không làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng Hình sự tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[2]. Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã mô tả, các bị cáo xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố là đúng người, đúng tội. Xét thấy lời nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là tự nguyện, khách quan, phù hợp với biên bản sự việc, lời khai của người làm chứng, người chứng kiến, vật chứng thu giữ, các bản kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 08/7/2024, tại số nhà C thuộc tổ A, phường Q, TP T, Nguyễn Đức T, Nguyễn Xuân B, Phan Đức T2, Quách Thị Huyền T3 có hành vi tổ chức cho nhau và tổ chức cho Thên Chấn T6, La Minh N1, Đào Thị N, Trần Tiến D, Vũ Thị Ánh T5 sử dụng trái phép chất ma túy, trong đó: Nguyễn Đức T là người

cung cấp chất ma túy loại MDMA cho Quách Thị Huyền T3, Nguyễn Đức T9, Trần Tiến D sử dụng, cung cấp và chế biến chất ma túy loại Ketamine, chuẩn bị dụng cụ cho Nguyễn Xuân B, Đào Thị N, Vũ Thị Ánh T5, Quách Thị Huyền T3, Thèn Chấn T, La Minh N1, Trần Tiến D, Phan Đức T2 sử dụng trái phép. Ngoài ra, T còn có hành vi tàng trữ 0,521 gam chất ma túy loại MDMA và 0,680 gam chất ma túy loại Ketamine để sử dụng. Nguyễn Xuân B là người cung cấp chất ma túy loại Ketamine cho T6 sử dụng; cung cấp địa điểm cho Nguyễn Xuân B, Đào Thị N, Vũ Thị Ánh T5, Quách Thị Huyền T3, Thèn Chấn T, La Minh N1, Trần Tiến D, Phan Đức T2, Nguyễn Đức T sử dụng. Phan Đức T2 là người cung cấp chất ma túy loại Ketamine cho La Minh N1 sử dụng, chuẩn bị dụng cụ (đốt nóng đĩa sứ) để cho Quách Thị Huyền T3 chế biến chất ma túy loại Ketamine cho Trần Tiến D và La Minh N1 sử dụng. Quách Thị Huyền T3 là người cung cấp chất ma túy loại MDMA cho Phan Đức T2, Trần Tiến D sử dụng, chế biến chất ma túy loại Ketamine cho Trần Tiến D và La Minh N1 sử dụng. Đến khoảng 7 giờ ngày 09/7/2024, khi các đối tượng đang ngủ tại căn nhà trên thì bị tổ công tác của Công an thành phố T lập biên bản sự việc và thu giữ vật chứng.

[3] Đánh giá của Hội đồng xét xử: Các bị cáo đều là người đủ năng lực hành vi trách nhiệm hình sự và biết ma túy là vật cấm và được Nhà nước quản lý nhưng vẫn cố tình tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Do vậy hành vi của các bị cáo Nguyễn Đức T đã đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự về tội: *“Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”* quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự và tội: *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”* quy định tại điểm i, khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Nguyễn Xuân B và Quách Thị Huyền T3 về tội *“Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”* quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; Phan Đức T2 về tội: *“Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”*, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, h khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đã truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung các Điều luật quy định như sau:

Điều 255 Bộ luật Hình sự:

***“1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.***

***2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:***

...

***b) Đối với 02 người trở lên;***

...

***h) Tái phạm nguy hiểm;”***

Điều 249 Bộ luật Hình sự:

***“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:***

...

***i) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này.”***

Do vậy các bị cáo phải chịu hình phạt mà điều luật đã quy định.

[4] Xét tính chất mức độ của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng chất gây nghiện, gây mất trật tự trị an ở địa phương và là một trong các nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội khác.

Trong vụ án này, các bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Xuân B, Phan Đức T2, Quách Thị Huyền T3 tham gia đồng phạm với vai trò là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo T là người cung cấp ma túy, bị cáo B là người cấp địa điểm và cùng nhau tổ chức cho nhiều người cùng sử dụng trái phép chất ma túy.

Do vậy, cần có mức án nghiêm minh, tương xứng với hành vi các bị cáo đã gây ra để có đủ thời gian cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trước lần phạm tội này thì các bị cáo T3, B đều không có vi phạm pháp luật gì. Các bị cáo T, T2 là người có nhân thân xấu đã từng bị xét xử bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật. Nhưng các bị cáo không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo đều thành khẩn khai báo ăn năn hối cải. Do đó các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 BLHS. Gia đình bị cáo B xuất trình cho Toà án đơn xin giảm nhẹ hình phạt và các bản sao chứng thực được nhà nước tặng khen các Huân huy chương chiến sỹ vẻ vang của ông Nguyễn Mạnh T1 là bố ruột bị cáo B. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2, Điều 51 BLHS. Tại phiên toà gia đình bị cáo T3 có cung cấp 01 bản sao thẻ hội viên cựu chiến binh của ông Quách Văn Q1 và bản sao căn cước công dân của ông Q1 là bố đẻ của bị cáo T3, qua thẩm vấn xác định ông Q1 mới chỉ tham gia nghĩa vụ trong quân ngũ và không cụ thể vào thời gian và hình thức tặng thưởng nào, do vậy chưa đủ căn cứ chấp nhận tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T3.

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về mức hình phạt: Để đảm bảo việc răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội và cũng tương xứng với nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

Cần xử phạt bị cáo T 8 năm đến 8 năm 6 tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và 01 năm 6 tháng đến 2 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt của cả 02 tội là 9 năm 6 tháng đến 10 năm 6 tháng tù. Tổng hợp với bản án 281/2024/HSST ngày 25/9/2024 của Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên là 30 tháng tù. Buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung là từ 12 đến 13 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ tạm giam 10/7/2024.

Bị cáo B từ 7 đến 7 năm 6 tháng tù.

Bị cáo T3 từ 7 năm 6 tháng đến 8 năm tù.

Bị cáo T2 từ 8 năm đến 8 năm 6 tháng tù.

Thời hạn tù của các bị cáo được tính từ ngày tạm giữ tạm giam 10/7/2024.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 255 Bộ luật hình sự, các bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền. Nhưng xét thấy bị cáo đều không có tài sản, công việc không ổn định lại đều nghiện ma túy. Do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Vật chứng của vụ án: + Cần tịch thu tiêu hủy: - 04 bì niêm phong ký hiệu B1, B2, C1, C2 và 01 (một) bì niêm phong ký hiệu A3 bên trong có 01 đĩa sứ màu trắng, 01 thẻ nhựa màu xanh.

Vì xác định là công cụ phương tiện sử dụng vào việc phạm tội

+ Cần tịch thu sung ngân sách nhà nước: - 01 (một) bì niêm phong ký hiệu T4 bên trong có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đen đã qua sử dụng, thu giữ của Nguyễn Đức T; - 01 (một) loa màu đen nhãn hiệu Harman Kardon, 01 (một) đèn nháy màu trắng nhãn hiệu Nam Sang đã qua sử dụng. Vì xác định là công cụ phương tiện sử dụng vào việc phạm tội.

+ Cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án:

- 01 (một) bì niêm phong ký hiệu T1 bên trong có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu tím đã qua sử dụng, thu giữ của Nguyễn Xuân B;

- 01 (một) bì niêm phong ký hiệu T2 bên trong có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu tím đã qua sử dụng, thu giữ của Quách Thị Huyền T3;

- 01 (một) bì niêm phong ký hiệu T3 bên trong có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng đã qua sử dụng, thu giữ của Phan Đức T2;

[8] Về án phí, quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Về các vấn đề khác:

Về nguồn gốc số ma túy thu giữ, Nguyễn Đức T khai mua của một nam thanh niên tên T8 (không rõ lai lịch, địa chỉ) qua ứng dụng Telegram, nhận và thanh toán tiền mặt với người giao hàng không rõ lai lịch địa chỉ tại khu vực tổ A, phường Q, thành phố T vào tối ngày 08/7/2024. Quá trình điều tra không xác định được nhân thân lai lịch của những đối tượng này nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T không có căn cứ để xử lý.

Đối với La Minh N1, Vũ Thị Ánh T5, Đào Thị N, Trần Tiến D, Thèn Chấn T có hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” phát hiện ngày 09/7/2024 tại tổ A, phường Q, thành phố T. Quá trình điều tra xác định N1, T5, N, D, T6 không bàn bạc, không đóng góp gì vào việc mua ma túy, không có hành vi đưa ma túy cho người khác sử dụng. Ngày 26/8/2024, Công an thành phố T đã ra các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với N1, T5, N, D, T6 theo quy định.

Đối với Nguyễn Thị Thu H3, Nguyễn Văn H4 là vợ và em rể của Nguyễn Xuân B, có mặt tại căn nhà số C thuộc tổ A, phường Q, thành phố T vào ngày 08/7/2024 và ngày 09/7/2024. Kết quả xét nghiệm H3 dương tính với chất ma túy Methamphetamine, MDMA và Ketamine và H4 dương tính với chất ma túy Ketamine. Quá trình điều tra, xác định H3 và H4 không sử dụng ma túy vào thời gian và địa điểm trên, không biết việc các đối tượng tàng trữ, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại ngôi nhà trên nên Công an thành phố T đã ra thông báo gửi chính quyền địa phương nơi cư trú để quản lý theo quy định.

Đối với chị Dương Thị Vân A1 (sinh năm 1990, HKTT: Tổ A, phường Q, thành phố T) là người cho Nguyễn Xuân B thuê căn nhà số C thuộc tổ A, phường Q, thành phố T. Quá trình điều tra, xác định chị Vân A1 không biết việc các đối tượng tàng trữ, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại căn nhà trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T không xử lý là có căn cứ.

**Vì các lẽ trên,**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Tuyên bố:**

1. Bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Các bị cáo Nguyễn Xuân B; Quách Thị Huyền T3 và Phan Đức T2 phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

1.1 Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; Điểm i, khoản 1, Điều 249 Bộ luật Hình sự; Điểm s khoản 1 Điều 51; Các Điều 17; 38; 55, 56 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Đức T **8 (tám)** năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và **01 (một) năm 6 (sáu) tháng** tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt của cả 02 tội là **9 (chín) năm 6 (sáu) tháng** tù. Tổng hợp với bản án 281/2024/HSST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái

Nguyên là **30** tháng tù. Buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung là **12** (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ tạm giam 10/7/2024.

1.2 Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; Điểm s khoản 1 Điều 51; Các Điều 17; 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự. (khoản 2, Điều 51 đối với bị cáo B).

Xử phạt Nguyễn Xuân B **7** (bảy) năm tù.

Xử phạt Quách Thị Huyền T3 **7** (bảy) năm **6** (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù của B và T3 tính từ ngày tạm giữ tạm giam 10/7/2024.

1.3 Căn cứ điểm b, h khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; Điểm s khoản 1 Điều 51; Các Điều 17; 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Phan Đức T2 **8** (tám) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ tạm giam 10/7/2024.

*Căn cứ Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định tạm giam các bị cáo T, B, T3 và T2 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.*

**2.** Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự.

2.1 Tịch thu tiêu hủy: - 01 túi niêm phong kí hiệu A3 bên trong chứa 01 đĩa sứ màu trắng, 01 thẻ nhựa màu xanh; - 01 bì niêm phong kí hiệu B1 bên trong chứa ma túy và vỏ bao gói mẫu; - 01 bì niêm phong kí hiệu C1 bên trong chứa ma túy và vỏ bao gói mẫu; - 01 bì Bì niêm phong kí hiệu B2 bên trong chứa bì niêm phong ban đầu; - 01 bì Bì niêm phong kí hiệu C2 bên trong chứa bì niêm phong ban đầu

2.2 Tịch thu sung ngân sách nhà nước: - 01 bì niêm phong kí hiệu T4 bên trong chứa 01 điện thoại di động Iphone màu đen; 01 ống hút cuốn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng; - 01 bì loa màu đen nhãn hiệu Harman Kardon, 01 bì đèn nháy màu trắng nhãn hiệu Nam Sang.

2.3 Tạm giữ để đảm bảo thi hành án: - 01 bì niêm phong kí hiệu T1 bên trong chứa 01 điện thoại di động Iphone màu tím; - 01 bì niêm phong kí hiệu T2 bên trong chứa 01 điện thoại di động Iphone màu tím; - 01 bì niêm phong kí hiệu T3 bên trong chứa 01 điện thoại di động Iphone màu vàng.

*Hiện được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên theo tình trạng biên bản giao nhận vật chứng số 67 ngày 18/12/2024.*

**3.** Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Đức T; Nguyễn Xuân B; Quách Thị Huyền T3 và Phan Đức T2 mỗi bị cáo phải nộp **200.000**đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thành phố TN;
- Công an thành phố TN;
- Chi cục THADSTPTN;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo..
- Lưu HS; lưu BP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Duy Chính**